

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HC-PT

Ngày: 14/8/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;
Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Giang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 285/2025/TBTL-HC ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1004/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957; nơi cư trú: Khu A, xã T, thành phố Hải Phòng (trước đây là: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu A, xã T, thành phố Hải Phòng (trước đây là: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện: Luật sư Lê Văn T1 – Công ty L3; Địa chỉ: Số A ngõ B L, phường P, thành phố Hà Nội (nay là số A ngõ B L, phường K, quận T, thành phố Hà Nội); có mặt.

Luật sư Trần Văn L và luật sư Trần Ngọc C1 – Công ty L4, Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: P Tòa nhà G, D10 G, phường G, thành phố Hà Nội (trước đây là P203 Tòa nhà Giảng Võ Lake V, D G, phường G, quận B, thành phố Hà

Nội); đều có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc T2, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc T2, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Hội đồng giải phóng mặt bằng (viết tắt GPMB) xã T, thành phố Hải Phòng (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Hội đồng GPMB huyện T, tỉnh Hải Dương).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn S, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng; vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc T2, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

3.3. Liên danh Công ty cổ phần Đ và Công ty cổ phần X; địa chỉ trụ sở: Số A, đường Đ, phường L, thành phố Hải Phòng (trước đây là: Số A, đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung K, chức vụ: Tổng Giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu K1, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đ; vắng mặt.

3.4. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1969; vắng mặt

3.5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; vắng mặt

3.6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; có mặt

3.7. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1993; vắng mặt

Đều có địa chỉ tại: Khu A, xã T, thành phố Hải Phòng (trước đây là: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, anh H, anh L2: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu A, xã T, thành phố Hải Phòng (trước đây là: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. *Người khởi kiện trình bày và yêu cầu:* Hộ gia đình ông Nguyễn Văn C có 05 nhân khẩu được giao đất nông nghiệp 03 gồm ông C, bà Đặng Thị L1 (là vợ ông) và 03 người con là anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn L2. Tổng diện tích đất được giao là bao nhiêu thì ông không nhớ, vị trí được giao thuộc nhiều xứ đồng khác nhau tại khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do thời gian đã lâu, ông không còn lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án được. Năm 1992, ông C có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn quả. Quá trình giải quyết vụ án, gia đình ông đã tự đo đạc lại và xác định tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng là 3.671m².

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, ngày 02/10/2023 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T ban hành Quyết định số 3019/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 3031/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn C khi nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T (đợt 7-12 hộ). Ngày 04/10/2023, gia đình ông nhận được các quyết định nêu trên. Do không đồng ý với việc bồi thường nên gia đình ông không chấp hành quyết định, không bàn giao đất. Ngày 30/7/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông. Tuy nhiên ông không nhất trí với nội dung trong các quyết định hành chính này vì các lý do sau:

- Đối với quyết định thu hồi đất: Khi thực hiện dự án xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, hộ gia đình ông bị thu hồi toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng là 3.671m². Quyết định thu hồi đất chỉ thu hồi tổng diện tích đất gia đình ông đang sử dụng là 2.768m², trong đó có 1.440m² đất nông nghiệp gia đình ông được sử dụng hợp pháp, còn lại 1.328m² là đất công do UBND thị trấn T quản lý thì ông không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất này gia đình ông đã sử dụng từ năm 1986 đến nay. UBND huyện T dựa vào mảnh đo vẽ lại bản đồ số 01-2021 do Công ty cổ phần T5 thực hiện mà không mời gia đình ông tham gia chứng kiến việc đo đạc là không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến xác định sai diện tích đất thu hồi của gia đình ông.

- Đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường:

Thứ nhất, Quyết định chỉ bồi thường về đất cho gia đình ông đối với 1440m² đất nông nghiệp là thiếu vì diện tích đất gia đình ông bị thu hồi thực tế là 3.671m²; đơn giá bồi thường về đất chỉ có 80.000đồng/1m² là quá thấp.

Thứ hai, khi UBND huyện T kiểm đếm tài sản trên đất không mời gia đình ông tham gia kiểm đếm dẫn đến phương án bồi thường đã bồi thường thiếu 02 ao

thả cá, chuồng chăn nuôi gà, các tài sản dưới mặt nước; thiếu nhiều cây cối, hoa màu trên đất như cây hồng, cây bưởi, cây mít, cây vải.... Do hiện nay toàn bộ tài sản này đã bị phá đi nên ông không nắm được các tài sản của gia đình ông bị thiếu cụ thể là những tài sản gì, số lượng là bao nhiêu.

- Đối với quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Do Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất, cụ thể là không tiến hành kiểm đếm, đo vẽ diện tích đất thực tế và việc bồi thường là quá thấp, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông nên ông không nhất trí với quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 01/10/2024, ông có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau: Hủy Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T (Đ hộ). Hủy Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T (đợt 7-12 hộ). Hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2443/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

[2]. Đại diện của người bị kiện trình bày và quan điểm:

* Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3019/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T (đợt 7 – 12 hộ) (gọi tắt là Quyết định số 3019):

Ngày 02/10/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 3019/QĐ-UBND thu hồi 2.768m² đất do hộ gia đình ông Nguyễn Văn C đang sử dụng, trong đó có 1.440m² đất nông nghiệp hộ gia đình ông C được giao theo Nghị quyết 03 và 1.328m² là đất công do UBND thị trấn T quản lý.

Về nguồn gốc, diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông C: Khi thu hồi đất để giải phóng mặt bằng, Hội đồng GPMB huyện T đã tổ chức kiểm kê, kiểm đếm, xác định hiện trạng quản lý sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C2 Đối chiếu với Tờ bản đồ số 01 đo vẽ lại bản đồ địa chính số 01-2021, hệ tọa độ VN-2000, khu vực thị trấn T do Công ty cổ phần T5 phối hợp cùng UBND thị trấn T thực hiện, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H nghiệm thu ngày 27 tháng 4 năm 2021 và căn cứ vào hồ sơ địa chính xác định: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn C được UBND huyện T giao đất nông nghiệp theo Nghị quyết 03 năm 1993 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 2.280 m² gồm các thửa đất số: 170, diện tích: 1.200,0 m², xứ đồng: Đường Trại; Thửa đất số: 62/4, diện tích: 96,0 m², xứ đồng: Miếu hạ; Thửa đất số: 79/10, diện tích: 444,0 m², xứ đồng: Tin; Thửa đất số: 140/18, diện tích: 120,0 m², xứ đồng: Cây đa; Thửa đất số: 169/1-2-3, diện tích: 240,0 m², xứ đồng: Đường trại; Thửa đất số: 219b/11, diện tích: 180,0 m², xứ đồng: Bãi trong.

Trong phạm vi thu hồi đất, hộ gia đình ông C bị thu hồi toàn bộ thửa đất số: 170, diện tích: 1.200,0 m², xứ đồng: Đường trại và thửa đất số: 169/1-2-3, diện tích: 240,0 m², xứ đồng: Đường trại (Theo tờ bản đồ số 01 đo vẽ lại năm 2021 là thửa số 169, diện tích 240m² và thửa số 169b, diện tích 1200m²). Tổng diện tích đất nông nghiệp gia đình ông C được quyền sử dụng hợp pháp bị thu hồi là 1.440m². Diện tích đất còn lại 1.328,0 m² gia đình ông C đang sử dụng: UBND huyện T căn cứ vào sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 2000 và 2006 thể hiện diện tích đất nêu trên là đất công do UBND thị trấn T quản lý. Ông C cho rằng gia đình ông sử dụng diện tích đất nông nghiệp từ năm 1986, hiện trạng theo gia đình tự đo đạc là 3.671m² và xác định bị thu hồi toàn bộ diện tích đất này là không có cơ sở. Mặt khác, quá trình thu hồi đất Hội đồng GPMB huyện T phối hợp cùng UBND thị trấn T nhiều lần mời gia đình ông C tham gia kiểm kê đất, công trình, cây cối, hoa màu trên đất nhưng gia đình ông C không hợp tác. Do vậy Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T đã tiến hành cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc. Việc ông C cho rằng không được mời tham gia chứng kiến việc đo đạc, kiểm kê tài sản là không đúng.

Hiện trạng sử dụng đất thể hiện gia đình ông C đã đào ao, thả cá, trồng cây ăn quả trên đất. Gia đình ông C đã tự ý chuyển đổi cơ cấu cây trồng, không được phép của cấp có thẩm quyền. Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất, UBND huyện T căn cứ Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh H; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh H; Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T6; điểm b khoản 2 Điều 30 của Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H và các văn bản có liên quan để ban hành quyết định thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật.

* Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C khi Nhà nước thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thị trấn T (gọi tắt là Quyết định số 3031):

Căn cứ vào biên bản xác minh nguồn gốc đất thu hồi; biên bản kiểm kê, kiểm đếm, xác định hiện trạng quản lý sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, Hội đồng GPMB huyện T đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C cụ thể như sau:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: Diện tích đất gia đình ông C được sử dụng hợp pháp và bị thu hồi là 1.440m². Căn cứ theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh H, UBND huyện T đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản đơn giá là 80.000 đồng/m² là đúng quy định. Ông C cho rằng đơn giá bồi thường về đất là thấp là không có cơ sở. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, Hội đồng GPMB

huyện T không lập phương án bồi thường về đất đối với diện tích 1.328,0 m² có nguồn gốc là đất công do UBND thị trấn T quản lý cho gia đình ông Nguyễn Văn C2

- Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc, công trình trên đất: Hội đồng GPMB huyện đã căn cứ vào số liệu kiểm kê, kiểm đếm thực tế (Biên bản kiểm đếm khối lượng) và Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 về việc ban hành đơn giá nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Điều 20 Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh H “Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương”; Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh H về việc ban hành đơn giá nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất để bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu và thủy sản: Ngày 25/7/2022, Hội đồng GPMB đã thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với hộ gia đình nhà ông Nguyễn Văn C2 Căn cứ hiện trạng thực tế, Hội đồng GPMB huyện T đã kiểm kê, kiểm đếm đầy đủ công trình, cây cối, hoa màu trên diện tích đất hộ gia đình ông C đang sử dụng bị thu hồi. Trên cơ sở đó lập phương án bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu cho hộ ông C theo đúng quy định của pháp luật. Hộ gia đình ông C cho rằng phương án bồi thường bồi thường thiếu tài sản, cây cối trên đất là không có cơ sở.

* Đối với yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2443 ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện T: UBND huyện T và Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T phối hợp cùng UBND thị trấn T đã nhiều lần tiến hành vận động, thuyết phục nhưng hộ gia đình ông C không chấp hành quyết định thu hồi đất, không nhận tiền bồi thường và bàn giao đất để giải phóng mặt bằng. Căn cứ các Điều 69, 71 của Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2443/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C2

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Đại diện UBND thị trấn T (nay là xã T) trình bày: UBND thị trấn đã căn cứ hồ sơ địa chính, hồ sơ giao đất, cấp GCNQSDĐ để xác định nguồn gốc sử dụng đất của các hộ, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn C2 Đối với diện tích đất công điền do UBND thị trấn T quản lý nhưng hộ gia đình ông C vẫn đang sử dụng: Thời điểm giao đất nông nghiệp, các gia đình có diện tích đất nông nghiệp gần với diện tích đất công điền do UBND thị trấn quản lý thì tiếp tục để cho người dân sử dụng và thu thầu hàng năm. Địa phương giao cho lãnh đạo thôn

thực hiện việc thu thầu hàng năm để phục vụ cho nhu cầu chi của thôn nhưng sau đó do khoản thu ít nên thôn không thu nữa và hiện nay các hộ vẫn đang sử dụng cả phần diện tích đất công điền của UBND thị trấn quản lý. Việc giao thầu không lập hợp đồng mà chỉ giao bằng miệng. Việc xác định đơn giá bồi thường về đất, bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất đã được các phòng ban chuyên môn của UBND huyện T khảo sát và thực hiện đúng quy định của UBND tỉnh H tại thời điểm thực hiện thu hồi đất. UBND thị trấn T đã phối hợp chặt chẽ với UBND huyện T, Hội đồng GPMB huyện, các phòng ban chuyên môn của huyện thực hiện đầy đủ các bước theo trình tự quy định trong công tác giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất đảm bảo theo quy định hiện hành. Quyền lợi của hộ gia đình có đất bị thu hồi đã được đảm bảo theo đúng chế độ, chính sách của pháp luật và quy định của tỉnh Hải Dương. Do vậy, UBND thị trấn T không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C2

[3.2]. *Người đại diện của Liên danh Công ty cổ phần Đ và Công ty cổ phần X trình bày:* Ngày 08/3/2021, UBND tỉnh H ban hành Văn bản số 720/CTĐT-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thị trấn T. Quá trình thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, UBND huyện T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông C2 Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, chủ đầu tư dự án đã chuyển đầy đủ kinh phí để Hội đồng GPMB huyện Tứ Kỳ tổ chức chi trả cho hộ gia đình ông C2 Đến nay gia đình ông C vẫn chưa nhận tiền bồi thường và có đơn khởi kiện, đề nghị TAND tỉnh Hải Dương không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C2

[4]. *Người làm chứng là ông Đặng Văn T3 trình bày:* Ông làm Trưởng khu An Nhân Tây giai đoạn từ cuối năm 2009 đến năm 2019. Trước đó ông làm phó thôn A từ khoảng những năm 2000. Diện tích đất nông nghiệp giao theo Nghị quyết 03 được chia cho số nhân khẩu đủ điều kiện nhận tiêu chuẩn ruộng trong một hộ gia đình. Diện tích chia đất ban đầu cho mỗi nhân khẩu trong hộ là 1 sào 2 thước. Gia đình ông Nguyễn Văn C đã được giao đủ suất ruộng theo tiêu chuẩn và được thể hiện trong sổ giao đất và cấp GCNQSD đất. Đối với phần diện tích tăng thêm mà hộ gia đình ông C đang sử dụng thực tế là đất công điền đã được UBND xã Đ (cũ) giao cho thôn A (cũ) quản lý. Thời điểm giao đất, các gia đình có diện tích đất nông nghiệp gần với diện tích đất công điền do UBND thị trấn quản lý thì thôn cho người dân thuê để sử dụng và có thu kinh phí để phục vụ các khoản chi công ích của thôn. Nhưng sau đó do khoản thu ít nên không thu nữa và hiện nay các hộ vẫn đang sử dụng cả phần diện tích đất công điền do UBND thị trấn quản lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải

Phòng), đã quyết định: Căn cứ các Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 71, 75 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ T6 ngày 02/6/2014; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, đề nghị về các nội dung sau: Hủy Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T (Đ - 12 hộ). Hủy Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T (Đ - 12 hộ). Hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2443/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện T. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2025, ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính bị kiện. Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, hủy các quyết định bị kiện theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện vắng mặt, người được ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại văn bản đã gửi trong giai đoạn sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do người được ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày giữ nguyên quan điểm đã nêu tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan: Về tổ tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về hướng giải

quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, người kháng cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/20245/HC-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết: Ngày 01/10/2024, ông Nguyễn Văn C khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T; Hủy Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T; Hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2443/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện T. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính hợp pháp của các quyết định bị kiện, thấy rằng, căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, quan điểm của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình với nhận định của cấp sơ thẩm như sau:

[3.1]. Về Quyết định số 3019/QĐ-UBND và Quyết định số 3031/QĐ-UBND của UBND huyện T:

[3.1.1]. Về thẩm quyền ban hành: Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới thị trấn T, huyện T được UBND tỉnh H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 20/10/2020; được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thu hồi đất để thực hiện các dự án công trình phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án, công trình tại các Nghị quyết số 24/2018/NĐ-HĐND ngày 13/12/2018, Nghị quyết số 28/NĐ-HĐND ngày 24/12/2020 và Nghị quyết số 01/NĐ-HĐND ngày 20/3/2023, được UBND tỉnh H chấp thuận chủ trương đầu tư tại Văn bản số 720/CTĐT-UBND ngày 08/3/2021. Như vậy, dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới thị trấn T, huyện T thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. Dự án thuộc thẩm quyền thu hồi đất của UBND tỉnh H, quy định tại khoản 3 Điều 66

của Luật Đất đai. Căn cứ Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh H, về việc ủy quyền cho UBND huyện, thành phố quyết định thu hồi đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật Đất đai, UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai.

[3.1.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành: Căn cứ thông báo về việc thu hồi đất số 54/TB-UBND ngày 27/4/2021 của UBND huyện T, Hội đồng GPMB huyện Tứ Kỳ phối hợp với UBND thị trấn T, đại diện khu dân cư An Nhân T4 tổ chức cuộc họp, phổ biến các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thông báo thu hồi đất, chủ trương thu hồi đất, chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ dân có đất bị thu hồi; thực hiện niêm yết công khai thông báo thu hồi đất, theo quy định tại trụ sở UBND thị trấn và khu dân cư. Hội đồng GPMB huyện T đã phối hợp với UBND thị trấn T, mời các hộ có đất bị thu hồi kê khai, kiểm kê, kiểm đếm theo quy định. Tuy nhiên hộ gia đình ông C chưa chấp hành kiểm đếm. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc số 1980/QĐ-UBND ngày 06/6/2022; thực hiện bàn giao quyết định cho gia đình ông C và niêm yết công khai theo quy định. Tuy nhiên, hộ gia đình ông C không chấp hành quyết định kiểm đếm bắt buộc, nên ngày 11/7/2022, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2575/QĐ-UBND, về việc cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc và thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc vào ngày 25/7/2022. Sau đó, Hội đồng GPMB đã tính toán phương án bồi thường, trình Hội đồng thẩm định huyện để thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ. Ngày 02/10/2023, UBND huyện T đã ban hành quyết định thu hồi đất số 3019/QĐ-UBND và Quyết định số 3031/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C2 Các quyết định đều được thông báo và niêm yết công khai theo quy định. Như vậy trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính nêu trên là đảm bảo theo quy định tại Điều 67 và Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[3.1.3]. Về căn cứ ban hành Quyết định số 3019:

- Tại quyết định thu hồi đất đã thu hồi diện tích đất gia đình ông C đang sử dụng là 2.768m², trong đó có: 1440m² đất - thửa số 169, diện tích 240m² và thửa số 169b, diện tích 1200m² là đất nông nghiệp hộ gia đình ông C được giao theo Nghị quyết 03 và 1328m² đất tại thửa số 169b, diện tích 226m² và thửa số 284, diện tích 1.102m² là đất công điền do UBND thị trấn quản lý.

- Đối với diện tích đất 1.440m²: Theo Sổ giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/10/1998 của UBND thị trấn T, thể hiện hộ gia đình ông C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ là 847121; tổng số nhân khẩu được giao đất là 05 nhân khẩu, diện tích đất được cấp là 2.280m², gồm các thửa đất số: 170, diện tích: 1.200 m², xứ

đồng: Đường Trại; Thửa đất số: 62/4, diện tích: 96,0 m², xứ đồng: Miếu hạ; Thửa đất số: 79/10, diện tích: 444 m², xứ đồng: Tin; Thửa đất số: 140/18, diện tích: 120,0 m², xứ đồng: Cây đa; Thửa đất số: 169/1-2-3, diện tích: 240,0 m², xứ đồng: Đường trại; Thửa đất số: 219b/11, diện tích: 180,0 m², xứ đồng: Bãi trong. Quyết định thu hồi đất chỉ thu hồi diện tích đất tại các thửa số 170, tờ bản đồ số 5, diện tích 1200m² và thửa số 169/1-2-3, tờ bản đồ số 5, diện tích 240m² đều thuộc xứ đồng đường Trại. Theo Tờ bản đồ đo vẽ lại bản đồ địa chính số 01-2021, hệ tọa độ VN-2000, khu vực thị trấn T, tờ số 1 thể hiện vị trí đất bị thu hồi thuộc thửa số 169, diện tích 240m² và thửa số 169b, diện tích 1200m². Như vậy, tổng diện tích đất gia đình ông C được sử dụng hợp pháp bị thu hồi là 1440m². Đối với đất nông nghiệp hộ gia đình ông C được giao tại các xứ đồng khác, không thuộc phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, hộ gia đình ông C vẫn đang quản lý, sử dụng. Ông C cho rằng bị thu hồi toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được giao là không có căn cứ.

- Đối với diện tích đất 1.328m²: Căn cứ vào sổ mục kê đất năm 2000 và bản đồ địa chính năm 2001, diện tích đất này thuộc phạm vi các thửa đất số 38, tờ bản đồ số 3, diện tích 361m²; thửa đất số 40, tờ bản đồ số 3, diện tích 576m²; thửa đất số 41, tờ bản đồ số 3, diện tích 237m²; thửa số 42, tờ bản đồ số 3, diện tích 1444m², ghi tên chủ sử dụng đất là UBND xã (tức là UBND thị trấn T). Căn cứ vào bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 2006, diện tích đất thu hồi thuộc phạm vi các thửa đất số 260, tờ bản đồ số 1, diện tích 1014m²; thửa đất số 261, tờ bản đồ số 1, diện tích 513m²; thửa số 262, tờ bản đồ số 1, diện tích 652m² và thửa số 263, tờ bản đồ số 1, diện tích 692m², ghi tên chủ sử dụng UBND xã (tức là UBND thị trấn T). Theo tờ bản đồ đo vẽ lại bản đồ địa chính số 01-2021 thể hiện là thửa số 169b, tờ bản đồ số 1, diện tích 226m², loại đất LUC và thửa số 284, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.102m², loại đất LUC, tổng diện tích 02 thửa là 1328m², diện tích đất này UBND thị trấn T và khu A, giao cho gia đình ông C thuê thầu để sử dụng nhưng không lập hợp đồng. Như vậy, diện tích đất 1.328m² gia đình ông C đang sử dụng bị thu hồi là đất công điền, do UBND thị trấn T quản lý. Ông C cho rằng diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp là không có căn cứ.

- Quá trình thu hồi đất, Hội đồng GPMB huyện T phối hợp cùng UBND thị trấn T, nhiều lần mời hộ gia đình ông C tham gia kiểm kê đất, công trình, cây cối, hoa màu trên đất nhưng gia đình ông C không hợp tác. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện T đã ra quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, thực hiện kiểm đếm bắt buộc theo quy định. Ông C cho rằng không được mời tham gia chứng kiến buổi đo đạc đất, dẫn đến việc UBND huyện T xác định sai diện tích đất thu hồi là không có căn cứ.

[3.1.4]. Về căn cứ ban hành Quyết định số 3031:

- Về diện tích đất được bồi thường: Diện tích đất gia đình ông C đang sử dụng và bị thu hồi là 2.768m², trong đó chỉ có 1440m² đất nông nghiệp hộ gia

đình ông C được giao hợp pháp theo Nghị quyết 03. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013, gia đình ông C được bồi thường diện tích đất được giao hợp pháp là 1440m². Đối với diện tích đất 1328m², là đất công điền do UBND thị trấn T quản lý. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 75, điểm d khoản 1 Điều 76 và Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện T không xem xét bồi thường đối với diện tích đất 1328m² là đúng quy định.

- Về đơn giá bồi thường về đất: Diện tích đất gia đình ông C được giao theo Nghị quyết 03 là 1440m², loại đất trồng cây hàng năm. Anh T là người đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày, năm 1992 ông C có đơn xin chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn quả. Tuy nhiên, đối chiếu với danh sách các hộ có đơn xin chuyển đổi cơ cấu cây trồng, kèm theo Quyết định số 69/QĐ-UB ngày 29/01/2003 của UBND huyện T, trích lục bản đồ giải thửa tỷ lệ 1:2000, tờ bản đồ số 5, khu chuyển đổi Đồng Thấp thì diện tích đất hộ gia đình ông C sử dụng, không nằm trong vùng được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, UBND huyện T không quyết định cho hộ gia đình ông C được chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Như vậy, quan điểm của anh T là không có căn cứ và xác định hộ gia đình ông C đã tự đào ao, thả cá, trồng cây ăn quả trên đất, không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh H, về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất nông nghiệp cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường GPMB, khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư mới thị trấn T, huyện T, Hội đồng GPMB huyện T đã lập phương án bồi thường về đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, với đơn giá đất trồng cây hàng năm 80.000đ/1m² và UBND huyện T ra Quyết định phê duyệt là đúng quy định.

- Ông C cho rằng phương án bồi thường đã bồi thường thiếu ao thả cá, chuồng chăn nuôi gà, cây cối, hoa màu trên đất: Ngày 25/7/2022, Hội đồng GPMB huyện T, tổ công tác giúp việc phối hợp cùng UBND thị trấn T, đại diện Ủy ban M thị trấn T và những người chứng kiến đã tiến hành kiểm đếm, đo đạc, xác minh tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình ông C bị thu hồi. Việc kiểm đếm được lập thành biên bản, các thành phần tham dự đều xác định khối lượng kiểm kê là chính xác, cùng nhất trí ký tên vào biên bản. Hội đồng GPMB huyện T đã căn cứ vào biên bản kiểm đếm bắt buộc và áp dụng các quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014; Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 12/12/2019; Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh H để lập phương án bồi thường đối với công trình, cây cối gắn liền đất và UBND huyện T đã phê duyệt phương án bồi thường là đúng quy định. Hộ gia đình ông C nhiều lần được mời tham gia các buổi kiểm kê đất, tài sản gắn liền với đất nhưng đều không có mặt. Ông C cho rằng phương án bồi thường đã bồi thường thiếu nhiều công trình, cây cối, hoa màu trên đất nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Anh T (là người đại diện theo ủy quyền của ông C) trình bày hiện nay toàn bộ tài sản của

gia đình anh đã bị phá bỏ để giải phóng mặt bằng, anh không nắm được tài sản bị bồi thường thiếu cụ thể là những gì, số lượng là bao nhiêu. Do vậy, không có căn cứ xác định Hội đồng GPMB huyện T đã lập phương án bồi thường, UBND huyện T đã phê duyệt phương án bồi thường thiếu tài sản, cây cối, hoa màu trên đất của hộ gia đình ông C2

[3.1.5]. Do vậy, đủ căn cứ xác định Quyết định thu hồi đất số 3019 ngày 02/10/2023, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất số 3031 ngày 02/10/2023 của UBND huyện T được ban hành đúng quy định pháp luật.

[3.2]. Về Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện T, về việc cưỡng chế thu hồi đất:

[3.2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 2443/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND huyện T ký ban hành là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013.

[3.2.2]. Về căn cứ ban hành: Do hộ gia đình ông C không đồng ý với việc thu hồi đất và phương án bồi thường, nên không chấp hành quyết định, không bàn giao đất và không nhận tiền bồi thường. Hội đồng GPMB huyện T phối hợp với UBND thị trấn T, Ủy ban M thị trấn T nhiều lần tổ chức, tuyên truyền, vận động, thuyết phục gia đình ông C nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, nhưng gia đình ông C không chấp hành Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện T. Ngày 30/7/2024, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2443/QĐ-UBND, về việc cưỡng chế thu hồi đất. Quyết định này đã được giao cho hộ gia đình ông C và niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn, nhà văn hóa khu dân cư A. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 69 và khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 30/7/2024, về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3]. Với các nhận định tại mục [3] nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, xét thấy: Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không chứng minh được yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Quan điểm các luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội là có cơ sở, được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi và có đơn đề nghị, nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn C
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng).
3. Ông Nguyễn Văn C không phải nộp án phí phúc thẩm.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện CT và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Các Đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực